

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-PT.

Ngày: 05/5/2021.

“V/v chia tài sản sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Bà Trần Thị Hà.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 24/02, 23/3 và 05/5/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2020/TLPT-HNGĐ, ngày 25/12/2020 về tranh chấp: " chia tài sản sau khi ly hôn" do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 71/2020/HNGĐ - ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 19/01/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐ-PT ngày 29/01/2021, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2021/QĐ-PT ngày 24/02/2021, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2021/QĐ-PT ngày 23/3/2021, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 97/2021/TB-PT ngày 06/4/2021, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 130/2021/TB-PT ngày 22/4/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1982. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chị Hoàng Thị N:** Ông Nguyễn Văn H – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

Địa chỉ: Số 6, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1959. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Người kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề nghị phân chia tài sản vợ chồng sau khi ly hôn và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn Chị Hoàng Thị N trình bày:** Tại Quyết định dân sự sơ thẩm số 144/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã giải quyết cho chị và Anh T được thuận tình ly hôn. Về con chung: Chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Về tài sản chị và Anh T xin tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi ly hôn xong phía Anh T không thiện chí chia tài sản cho chị. Tài sản của vợ chồng phát triển được như biên bản định giá ngày 09/7/2020 chị đề nghị phân chia gồm:

Thửa đất số 154, tờ bản đồ số 20, diện tích 221.7m², được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 198559, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00423 ngày 24/12/2010, địa chỉ thửa đất thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc thửa đất này là do bố mẹ chồng khai phá cho vợ chồng ra ở riêng, một phần do bố đẻ chị mua của ông Trung, bà Huệ năm 2001 khoảng 30m² trị giá khoảng 350.000đ, để chuyển lối đi ra phía ngoài cho thửa đất rộng thì mới xây nhà được. 01 ngôi nhà hai tầng xây dựng năm 2016 trên thửa đất trên do bố đẻ chị cho chị tiền mua nguyên vật liệu và trả công thợ, cùng các tài sản đã định giá (còn tài sản không yêu cầu định giá thì chị không đề nghị phân chia). Đề nghị Tòa án xem xét đến công sức đóng góp của chị nhiều hơn, đề nghị cho chị được sở hữu nhà và sử dụng đất của vợ chồng thửa 154, tờ bản đồ số 20, diện tích 221,7m² để ba mẹ con ở, vì hiện ba mẹ con không có nơi ở đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, Anh T không quan tâm gì. Chị sẽ có trách nhiệm trích chia trả phần chênh lệch tài sản vợ chồng cho Anh T. Về số tiền 40.000.000đ tiền mặt + tiền vợ chồng bán lợn năm 2018 khoảng gần 120.000.000đ + tiền bán 13 con lợn con cuối tháng 9/2018 = 19.500.000đ như Anh T trình bày. Chị xác định là nhà chị không có bốn mươi triệu đồng, mà phải đi vay để bán hàng, sau đó lấy số tiền bán lợn gửi bố chị nuôi hộ để trả tiền vay bốn mươi triệu, còn 13 con lợn con bị bệnh chết chị gọi Anh T sang nhưng Anh T không sang mà đập máy luôn, con lợn sẽ do bố mẹ đẻ chị mua cho chị bị dịch tả châu Phi chết.

*** Bị đơn Anh Nguyễn Văn T trình bày:** Năm 2001 anh xây dựng gia đình với Chị N, năm 2002 vợ chồng ở riêng và làm nhà 3 gian nhà xây caylốp fibroxi măng trên mảnh đất mẹ anh cho anh từ năm 1995, mảnh đất đó gần đường và gần cổng trường học, trong khi làm nhà anh có nhờ ông Hoàng Văn D bố vợ anh lúc đó

làm trưởng thôn mua thêm một góc ruộng của ông Trung, bà Huệ với giá 350.000đ để mở lại đường đi ra phía sau cho đất ở được rộng hơn.

Từ năm 2002 đến năm 2016, khi vợ chồng ở riêng, vợ anh bị bệnh tim nên luôn ốm đau phải đi điều trị ở các bệnh viện từ tỉnh đến trung ương mỗi tháng một lần, còn anh phải đi làm thuê, mỗi tháng thu được từ 7 – 8,9 triệu đồng, số tiền này cũng chỉ đủ để chi cho chữa bệnh và ăn học của vợ và hai con.

Năm 2016 do nhà ở chật chội và xuống cấp nên anh phải phá đi để làm lại, mặc dù lúc đó anh vẫn phải lo chữa bệnh cho vợ, nên kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Song vợ chồng quyết tâm, vay mượn tiền anh em người nhà và người thân để xây ngôi nhà 2 tầng, tổng trị giá khoảng 400.000.000đ. Nay anh đương nhiên được sở hữu nhà và đất ở của vợ chồng, không trích chia cho Chị N một đồng nào. Vì đất là của bố mẹ anh cho anh từ năm 1994 trước khi lấy Chị N, đến năm 2003 được cấp sổ bìa đỏ, năm 2010 cấp đổi sổ bìa đỏ anh không có ý kiến thắc mắc gì, vì lấy vợ thì phải cho vợ con; còn ngôi nhà và tài sản như định giá ngày 09/7/2020 là do vợ chồng làm nên, nếu Chị N mang (40.000.000đ tiền mặt + tiền vợ chồng bán lợn năm 2018 khoảng gần 120.000.000đ + tiền bán 13 con lợn con cuối tháng 9/2018 = 19.500.000đ + 01 con lợn sề = khoảng 2.800.000đ) về thì anh sẽ chia ngôi nhà này cho Chị N. Toàn bộ số tiền này do Chị N cầm khi vợ chồng chưa mâu thuẫn chưa cãi nhau. Đề nghị giải quyết số tiền vợ chồng đang nợ của ông Trần Thế D1 ở thôn C 50.000.000đ; ông Vũ Văn L ở thôn C 20.000.000đ; ông Dương Văn Nh thôn C 5.000.000đ. Ngoài ra không đề nghị giải quyết tài sản và số nợ nào khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Hoàng Văn D trình bày:**
Nguồn gốc thửa đất vợ chồng Anh T, Chị N ở là một phần bãi và một phần để làm đường đi của mẹ đẻ Anh T cho vợ chồng, nhưng do phần diện tích đất bãi vướng đường đi vào mấy hộ phía sau nên không thể làm nhà được, ông đã mua một góc ruộng của anh Trần Thế Tr rộng mặt đường là 5,5m trị giá 350.000đ để cho Chị N góp vào để chuyển đường ra phía ngoài cho phần đất bên trong rộng hơn để đủ làm nhà ở. Sau đó vợ chồng Anh T, Chị N làm thủ tục cấp sổ bìa đỏ năm 2003, đến khoảng năm 2010 cấp lại sổ bìa hồng. Khoảng năm 2016 vợ chồng Anh T, Chị N có xây dựng ngôi nhà ở; khi đó vợ chồng Anh T, Chị N có sang bàn với ông về việc làm nhà; vì con gái ông yếu nên ông có bảo vợ chồng cứ làm, còn thiếu bao nhiêu ông cho con gái để góp vào xây nhà hoàn chỉnh. Toàn bộ hóa đơn mua vật liệu và trả tiền công thợ mà Chị N đã nộp tại Tòa án là do ông chi trả bằng tiền của ông gần hai trăm triệu đồng, đây là số tiền ông cho Chị N, ông không yêu cầu Chị N phải trả ông số tiền này, nhưng đề nghị Tòa án khi phân chia tài sản vợ chồng có xem xét đến công sức đóng góp của mỗi bên vào khối tài sản đó. Đề nghị giao cho một người được sở hữu và sử dụng nhà, đất ở, có trách nhiệm trích trả bên kia bằng tiền.

*** Kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 09/7/2020 xác định, thửa đất về ranh giới, mốc giới thửa đất rõ ràng sử dụng ổn định, không tranh**

chấp. Diện tích 221,7m² đất thổ cư trị giá 354.720.000đ; 01 nhà ở cấp ba loại 2 xây dựng năm 2016 trị giá 429.135.000đ; Ki ốt loại A trị giá 102.726.000đ; nhà bếp loại C trị giá 1.613.000đ; nhà vệ sinh loại B trị giá 1.443.000đ; Bán mái tôn trị giá 7.516.000đ; 02 giường gỗ xoan trị giá 400.000đ; 01 giường gỗ Keo trị giá 500.000đ; 01 tủ gỗ xoan hai buồng trị giá 500.000đ; 01 tủ gỗ keo hai buồng trị giá 500.000đ; tường xây gạch chỉ trị giá 243.000đ; nhà chăn nuôi loại C trị giá 8.252.000đ.

* Với nội dung nêu trên, bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 71/2020/HNGĐ - ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33; 34; 59; 62 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 26; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Xử:

- Giao Chị Hoàng Thị N được quyền sử dụng và sở hữu thửa số 154, tờ bản đồ số 20, diện tích 221,7m², đã được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BD 198559, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00423, ngày 24/12/2010 mang tên người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Hộ ông Nguyễn Văn Tiến, bà Hoàng Thị Nga, địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cùng các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở cấp ba loại 2 xây dựng năm 2016; Ki ốt loại A; nhà bếp loại C; nhà vệ sinh loại B; Bán mái tôn; 02 giường gỗ xoan; 01 giường gỗ Keo; 01 tủ gỗ Xoan hai buồng; 01 tủ gỗ Keo hai buồng; tường xây gạch chỉ; nhà chăn nuôi loại C. Tổng trị giá 907.548.000đ.

Chị Hoàng Thị N có trách nhiệm trích chia trả Anh Nguyễn Văn T 453.774.000đ (Bốn trăm năm ba triệu bảy trăm bảy tư nghìn đồng) tiền phân chia tài sản sau khi ly hôn.

* Về chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số và án phí:

- Anh Nguyễn Văn T phải hoàn trả Chị Hoàng Thị N 5.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản và tiền chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số.

- Chị Hoàng Thị N phải chịu 22.151.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 16.000.000đ tiền Chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002274 ngày 08/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị N còn phải nộp 6.151.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 22.151.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu tiền lãi trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Sau khi xét xử, ngày 10/11/2020 Anh Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 71/2020/HNGĐ - ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; lý do kháng cáo: bản án xét xử không công bằng, không khách quan, không đảm bảo quyền lợi của anh; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để đảm bảo quyền lợi của anh.

*Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể:

- Giao cho Anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 154, tờ bản đồ số 20, diện tích 221,7m², đã được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ 198559, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00423, ngày 24/12/2010 mang tên người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Hộ ông Nguyễn Văn Tiến, bà Hoàng Thị Nga, địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Văn T được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở cấp ba loại 2 xây dựng năm 2016; Kí ốt loại A; nhà bếp loại C; nhà vệ sinh loại B; Bán mái tôn; 02 giường gỗ xoan; 01 giường gỗ Keo; 01 tủ gỗ Xoan hai buồng; 01 tủ gỗ Keo hai buồng; tường xây gạch chỉ; nhà chăn nuôi loại C. Tổng trị giá tài sản là 907.548.000đ nhưng Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trích chia trả Chị Hoàng Thị N số tiền 453.774.000đ (Bốn trăm năm ba triệu bảy trăm bảy tư nghìn đồng) phân chia tài sản sau khi ly hôn.

- Anh T, Chị N, ông D thỏa thuận không còn tài sản tranh chấp nào khác; Anh T, Chị N không còn khoản nợ chung nào khác.

Ngoài ra không thỏa thuận gì khác về tài sản. Các nội dung khác đề nghị giải quyết theo pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chị Hoàng Thị N phát biểu quan điểm: Tôn trọng sự định đoạt, thỏa thuận của các đương sự, đề nghị HĐXX chấp nhận sửa bản án sơ thẩm theo nội dung các đương sự thỏa thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, đề nghị

HĐXX căn cứ Điều 300; khoản 2, Điều 308; Điều 309- BLTTDS, sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Về chi phí tố tụng giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã giải quyết.

+ Án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 5, Điều 29-Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đương sự kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T được nộp cho Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang trong thời hạn quy định của pháp luật và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 – Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó kháng cáo của Anh T là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T

[2.1]. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận việc giải quyết phân chia tài sản, cụ thể:

- Giao cho Anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 154, tờ bản đồ số 20, diện tích 221,7m², đã được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BD 198559, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00423, ngày 24/12/2010 mang tên người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Hộ ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị N, địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Văn T được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở cấp ba loại 2 xây dựng năm 2016; Ki ốt loại A; nhà bếp loại C; nhà vệ sinh loại B; Bán mái tôn; 02 giường gỗ xoan; 01 giường gỗ Keo; 01 tủ gỗ Xoan hai buồng; 01 tủ gỗ Keo hai buồng; tường xây gạch chỉ; nhà chăn nuôi loại C. Tổng trị giá tài sản là 907.548.000đ nhưng Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trích chia trả Chị Hoàng Thị N số tiền 453.774.000đ (Bốn trăm năm ba triệu bảy trăm bảy tư nghìn đồng) phân chia tài sản sau khi ly hôn.

- Anh T, Chị N, ông D thỏa thuận không còn tài sản tranh chấp nào khác; Anh T, Chị N không còn khoản nợ chung nào khác.

[2.2]. HĐXX thấy: Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận. HĐXX căn cứ quy định

tại Điều 300; khoản 2, Điều 308; Điều 309- BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về chi phí tố tụng: các đương sự không có thỏa thuận nào khác nên phải chịu chi phí tố tụng theo quy định tại các Điều 147, 148, 153, 157, 161, 165- Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

[3.1]. Về chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số: Anh Nguyễn Văn T phải hoàn trả Chị Hoàng Thị N 5.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản và tiền chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số.

[3.2]. Về án phí chia tài sản:

- Chị Hoàng Thị N phải chịu 22.151.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 16.000.000đ tiền Chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002274 ngày 08/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị N còn phải nộp 6.151.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T phải chịu 22.151.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn.

[4]. Về án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 5, Điều 29-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Anh T được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục THADS huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

Áp dụng Điều 300; khoản 2, Điều 308; Điều 309 - Bộ luật Tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Anh Nguyễn Văn T. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 71/2020/HNGĐ - ST ngày 28/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Áp dụng các Điều 28; 35; 147; 153; 157; 161; 165; 228; 235; 264; 271; 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 33; 34; 59; 62- Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26; 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Giao cho Anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng thửa đất số 154, tờ bản đồ số 20, diện tích 221,7m², đã được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BĐ 198559, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 00423, ngày 24/12/2010 mang tên người sử dụng đất chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là Hộ ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị N, địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Văn T được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà ở cấp ba loại 2 xây dựng năm 2016; Ki ốt loại A; nhà bếp loại C; nhà vệ sinh loại B; Bán mái tôn; 02 giường gỗ xoan; 01 giường gỗ Keo; 01 tủ gỗ Xoan hai buồng; 01 tủ gỗ Keo hai buồng; tường xây gạch chỉ; nhà chăn nuôi loại C. Tổng trị giá tài sản là 907.548.000đ.

- Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trích chia trả Chị Hoàng Thị N số tiền 453.774.000đ (Bốn trăm năm ba triệu bảy trăm bảy tư nghìn đồng) phân chia tài sản sau khi ly hôn.

- Chị Hoàng Thị N được sở hữu số tiền 453.774.000đ (Bốn trăm năm ba triệu bảy trăm bảy tư nghìn đồng) do Anh Nguyễn Văn T trích chia tài sản sau khi ly hôn.

- Anh T, Chị N, ông D thỏa thuận không còn tài sản tranh chấp nào khác; Anh T, Chị N thỏa thuận không còn khoản nợ chung nào khác.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số: Anh Nguyễn Văn T phải hoàn trả Chị Hoàng Thị N 5.000.000đ tiền chi phí định giá tài sản và tiền chi phí đo đạc bằng máy kỹ thuật số.

- Về án phí chia tài sản:

+ Chị Hoàng Thị N phải chịu 22.151.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 16.000.000đ tiền Chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002274 ngày 08/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị N còn phải nộp 6.151.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn T phải chịu 22.151.000đ tiền án phí chia tài sản sau khi ly hôn.

4. Về nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468- Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

5. Án phí phúc thẩm: căn cứ khoản 5, Điều 29- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án buộc Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2019/ 0002649 ngày 10/11/2020 của Chi cục THADS huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Anh Nguyễn Văn T đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ong Thân Thắng